

Số:1160 /TB-TTKN

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO
V/v duy trì chứng nhận sản phẩm phù hợp QCVN

Kính gửi: Công ty TNHH Anh Mỹ VN

Căn cứ kết quả đánh giá giám sát chứng nhận sự phù hợp lần thứ 1, Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản duy trì chứng nhận sự phù hợp của các sản phẩm theo bảng dưới đây:

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm sản xuất	Mã số hợp quy	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp
1	AM KHOÁNG	24 Trần Khát Chân, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	HQ.05.0.21.01688-1	QCVN 02-32-2:2020/ BNNPTNT
2	AM KMIX 9000		HQ.05.0.21.01688-2	
3	AM KMIX 1000		HQ.05.0.21.01688-3	
4	AM SIÊU KHOÁNG		HQ.05.0.21.01688-4	
5	AM ALKA		HQ.05.0.21.01688-5	

Kết quả thử nghiệm của các sản phẩm ban hành kèm thông báo này.

Trung tâm thông báo để Công ty biết. Chúc quý Công ty đạt nhiều thành công hơn nữa trong hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay và trong thời gian tới.

Nơi nhận:

- Sở NN & MT tỉnh Khánh Hòa;
- Giám đốc TT (để b/c);
- Phòng DVKH;
- TT Vùng II;
- Văn phòng TT (BBT Website);
- Lưu: VT, CNKN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Là Thanh Tùng



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 19507/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II.
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : Lô số 6, Đường số 2, Khu 30 Bắc Sơn, Tổ 7 Thanh Hải, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Đinh Thị Thu Thùy
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 57592512600
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 18/12/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 18/12/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
AM KMIX 1000	Asen (As) (*)	mg/L (LOQ=0,15)	KPH	HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012)
	Chì (Pb) (*)	mg/L (LOQ=0,6)	KPH	HDH-61 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 8900-7:2012; TCVN 10912:2015)
	Cadimi (Cd) (*)	mg/L (LOQ=0,15)	KPH	HDH-61 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012)
	Thủy ngân (Hg) (*)	mg/L (LOQ=0,05)	KPH	HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012)

[Signature]

Cần Thơ, ngày/date: 22/12/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

[Signature]

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 19504/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II.

Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : Lô số 6, Đường số 2, Khu 30 Bắc Sơn, Tổ 7 Thanh Hải, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Đinh Thị Thu Thùy

Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 57592512597

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 18/12/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 18/12/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
AM SIÊU KHOÁNG	Asen (As) (*)	mg/kg (LOQ=0,15)	5,41	HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012)
	Chì (Pb) (*)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	HDH-61 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 8900-7:2012; TCVN 10912:2015)
	Cadimi (Cd) (*)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	HDH-61 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012)
	Thủy ngân (Hg) (*)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012)

Cần Thơ, ngày/date: 22/12/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 19505/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II.
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : Lô số 6, Đường số 2, Khu 30 Bắc Sơn, Tổ 7 Thanh Hải, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Đinh Thị Thu Thùy
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 57592512598
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 18/12/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 18/12/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
AM ALKA	Asen (As) (*)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012)
	Chì (Pb) (*)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	HDH-61 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 8900-7:2012; TCVN 10912:2015)
	Cadimi (Cd) (*)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	HDH-61 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012)
	Thủy ngân (Hg) (*)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012)

Cần Thơ, ngày/date: 22/12/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 19506/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II.
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : Lô số 6, Đường số 2, Khu 30 Bắc Sơn, Tổ 7 Thanh Hải, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Đinh Thị Thu Thùy
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 57592512599
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 18/12/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 18/12/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
AM KMIX 9000	Asen (As) (*)	mg/L (LOQ=0,15)	KPH	HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012)
	Chì (Pb) (*)	mg/L (LOQ=0,6)	<0,6	HDH-61 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 8900-7:2012; TCVN 10912:2015)
	Cadimi (Cd) (*)	mg/L (LOQ=0,15)	KPH	HDH-61 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012)
	Thủy ngân (Hg) (*)	mg/L (LOQ=0,05)	<0,05	HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012)

Cần Thơ, ngày/date: 22/12/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 19503/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II.
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : Lô số 6, Đường số 2, Khu 30 Bắc Sơn, Tổ 7 Thanh Hải, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Đinh Thị Thu Thùy
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 57592512596
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 18/12/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 18/12/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
AM KHOÁNG	Asen (As) (*)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012)
	Chì (Pb) (*)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	HDH-61 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 8900-7:2012; TCVN 10912:2015)
	Cadimi (Cd) (*)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	HDH-61 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012)
	Thủy ngân (Hg) (*)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012)

Cần Thơ, ngày/date: 22/12/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.